

ADMISSIONS APPLICATION FORM

ĐƠN XIN NHẬP HỌC

STUDENT INFORMATION / THÔNG TIN HỌC SINH

Student's full name

Họ và tên học sinh

English name

Tên tiếng Anh

☐ Male

Nam

☐ Female

Nữ

Date of birth

Ngày tháng năm sinh

Place of birth

Nơi sinh

Nationality

Quốc tịch

Passport No

Số hộ chiếu

Applying to grade

Nhập học vào lớp

Enrollment year

Năm nhập học

1. LANGUAGE SKILL / NGÔN NGỮ

Does your child know Vietnamese?

Học sinh có biết tiếng Việt không?

☐ Yes / Có

☐ No / Không

Are they able to

Học sinh biết tiếng Việt ở trình độ nào:

Yes / Có

Somewhat / Tương đối

No / Không

Speak / Nói

Write / Viết

Read / Đọc

Listen / Nghe

Does your child know English?

Học sinh có biết tiếng Anh không?

☐ Yes / Có

☐ No / Không

Are they able to

Học sinh biết tiếng Anh ở trình độ nào:

Yes / Có

Somewhat / Tương đối

No / Không

Speak / Nói

Write / Viết

Read / Đọc

Listen / Nghe

Does your child know other languages?

Học sinh có biết các ngôn ngữ khác không?

☐ Yes / Có

☐ No / Không

Please Specific / Vui lòng ghi rõ



2. SPECIAL ABILITIES / NĂNG KHIẾU ĐẶC BIỆT

Does your child know how to / Học sinh có biết

☐
☐
☐

Sing / Hát
Dance / Nhảy múa
Draw / Vẽ

☐
☐

Play musical instrument / Sử dụng nhạc cụ
Others / Năng khiếu khác

3. PRIOR SCHOOL HISTORY / QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Name of student's former school / Tên trường học năm vừa qua

Academic year Năm học	Grade Lớp	Name of student's former school Tên trường học năm vừa qua

Has your child ever repeated a grade, skipped a grade or been in an accelerated grade?

Học sinh có từng ở lại lớp, bỏ qua 1 cấp lớp hay học vượt lớp?

If yes, what grade?

Nếu có, vui lòng ghi rõ lớp mấy

☐

Yes / Có

☐

No / Không

4. ADDITIONAL INFORMATION / BỔ SUNG THÔNG TIN

Has your child ever had any learning challenges or difficulties?

Học sinh có bao giờ gặp khó khăn trong học tập

☐

Yes / Có

☐

No / Không

☐

Unsure / Không chắc

Please Specific / Vui lòng ghi rõ

Has your child ever had a psycho educational assessment?

Học sinh có bao giờ thực hiện bằng đánh giá tâm lý giáo dục chưa?

☐

Yes / Có

☐

No / Không

☐

Unsure / Không chắc

If yes, please provide us with the assessment.

Nếu có, vui lòng cung cấp cho chúng tôi bằng đánh giá.

I certify that all of the information provided is accurate. I request that my child be admitted to your school. If my application is accepted, I promise to adhere to all school policies and participate in my child's education along with the school.

Chúng tôi cam đoan mọi thông tin cung cấp đều chính xác. Chúng tôi xin chấp hành mọi quy định của trường và hứa cùng nhà trường chăm sóc, giáo dục tốt cho con.

Day____Month____Year____(Ngày/tháng/năm)

Parent / Guardian's signature (Please provide full name)

Phụ huynh ký tên (Vui lòng ghi rõ họ tên)



STUDENT AND FAMILY INFORMATION

THÔNG TIN HỌC SINH VÀ GIA ĐÌNH

I. STUDENT INFORMATION / THÔNG TIN HỌC SINH

Student's full name

Họ và tên học sinh

English name

Tên tiếng Anh

Gender

Giới tính

☐ Male

Nam

☐ Female

Nữ

Religion

Tôn giáo

Date of birth

Ngày tháng năm sinh

Place of birth

Nơi sinh

Nationality

Quốc tịch

Hometown

Nguyên quán

Student's ID/Passport No

Số CMND / Hộ chiếu của học sinh

Student's contact number

Số điện thoại của học sinh

Student's email

Email của học sinh

Permanent address

Địa chỉ thường trú

Current address

Địa chỉ tạm trú

Grade

Lớp

Academic year

Năm học

Authorization is given to SNA to put photos and videos of my child on the school media for promoting SNA and Nguyen Hoang Group.

Cho phép trường SNA đưa hình ảnh hoặc video của con tôi lên phương tiện truyền thông của trường cho việc quảng bá hình ảnh SNA và tập đoàn Nguyễn Hoàng.

☐ Yes / Có

☐ No / Không

Guardian's signature / Chữ ký của phụ huynh

Date / Ngày

GUARDIAN 1 / PHỤ HUYNH 1

1.	Full name <i>Họ và tên</i>	Relationship <i>Mối quan hệ</i>
2.	Contact number <i>Số điện thoại</i>	Email
3.	Nationality <i>Quốc tịch</i>	ID/Passport No. <i>Số CMND/Hộ chiếu</i>
4.	Occupation <i>Nghề nghiệp</i>	Company <i>Nơi công tác</i>
5.	Sample signature <i>Chữ ký mẫu</i>	

GUARDIAN 2 / PHỤ HUYNH 2

1.	Full name <i>Họ và tên</i>	Relationship <i>Mối quan hệ</i>
2.	Contact number <i>Số điện thoại</i>	Email
3.	Nationality <i>Quốc tịch</i>	ID/Passport No. <i>Số CMND/Hộ chiếu</i>
4.	Occupation <i>Nghề nghiệp</i>	Company <i>Nơi công tác</i>
5.	Sample signature <i>Chữ ký mẫu</i>	

GUARDIAN 3 / PHỤ HUYNH 3

1.	Full name <i>Họ và tên</i>	Relationship <i>Mối quan hệ</i>
2.	Contact number <i>Số điện thoại</i>	Email
3.	Nationality <i>Quốc tịch</i>	ID/Passport No. <i>Số CMND/Hộ chiếu</i>
4.	Occupation <i>Nghề nghiệp</i>	Company <i>Nơi công tác</i>
5.	Sample signature <i>Chữ ký mẫu</i>	

GUARDIAN 4 / PHỤ HUYNH 4

1.	Full name <i>Họ và tên</i>	Relationship <i>Mối quan hệ</i>
2.	Contact number <i>Số điện thoại</i>	Email
3.	Nationality <i>Quốc tịch</i>	ID/Passport No. <i>Số CMND/Hộ chiếu</i>
4.	Occupation <i>Nghề nghiệp</i>	Company <i>Nơi công tác</i>
5.	Sample signature <i>Chữ ký mẫu</i>	



HEALTH RECORD

PHIẾU CẬP NHẬT THÔNG TIN Y TẾ

1. IN CASE OF EMERGENCY, WHO SHOULD WE CONTACT? / TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP CẦN LIÊN HỆ NGƯỜI THÂN NÀO?

Priority 1 / Ưu tiên số 1

☐
☐

Guardian / Phụ huynh 1
Guardian / Phụ huynh 3

☐
☐

Guardian / Phụ huynh 2
Guardian / Phụ huynh 4

Priority 2 / Ưu tiên số 2

☐
☐

Guardian / Phụ huynh 1
Guardian / Phụ huynh 3

☐
☐

Guardian / Phụ huynh 2
Guardian / Phụ huynh 4

Priority 3 / Ưu tiên số 3

☐
☐

Guardian / Phụ huynh 1
Guardian / Phụ huynh 3

☐
☐

Guardian / Phụ huynh 2
Guardian / Phụ huynh 4

2. HEALTH RECORD / THÔNG TIN SỨC KHỎE CỦA HỌC SINH

2.1. Medical history (please provide sickness record if any) / Tiền sử bệnh của học sinh (cung cấp hồ sơ bệnh nếu có)

☐
☐
☐
☐
☐
☐

Asthma / Hen
Epilepsia / Động kinh
Heart disease / Bệnh tim
Allergy / Dị ứng
Others / Các bệnh khác
None / Không có

2.2. Treatment history (please provide treatment record if any) / Tiền sử điều trị bệnh của học sinh (cung cấp hồ sơ bệnh án đang điều trị nếu có)

☐
☐

Currently not under any treatment / Học sinh không điều trị bệnh
Currently under any treatment / Học sinh đang điều trị bệnh
Please specific / Vui lòng ghi rõ

2.3. Does student have any allergies to medicine? / Học sinh có tiền sử dị ứng với thuốc hay không?

☐

Yes / Có

☐

No / Không

Please specific / Vui lòng ghi rõ

2.4. In common cases, do you agree to allow students to take medication and treatment at school? /

Đối với những trường hợp bệnh tật thông thường, phụ huynh có đồng ý cho học sinh uống thuốc và điều trị ở trường hay không?

☐

Yes / Có

☐

No / Không

2.5. In case of emergency, where should we transfer students to? / Trường hợp khẩn cấp cần đưa học sinh đến bệnh viện nào?

Hospital / Bệnh viện	Priority 1 Ưu tiên 1	Priority 2 Ưu tiên 2	Priority 3 Ưu tiên 3
NamSaiGon Surgical hospital Bệnh viện ngoại khoa Nam Sài Gòn			
District 7 hospital Bệnh viện quận 7			
District 4 hospital Bệnh viện quận 4			
Trauma and orthosis hospital Bệnh viện chấn thương chỉnh hình			
FV hospital* Bệnh viện FV			
Tam Duc Heart hospital* Bệnh viện tim Tâm Đức			
Pediatric Polyclinics Nancy* Phòng khám đa khoa Nancy			
Others (Parents request) Bệnh viện khác (Phụ huynh yêu cầu, phòng khám theo BHYT nhà nước đã đăng ký)			
*Private hospitals / Bệnh viện tư không có BHYT			

Day____Month____Year____(Ngày/tháng/năm)

Parent / Guardian's signature (Please provide full name)

Phụ huynh ký tên (Vui lòng ghi rõ họ tên)



SERVICES REGISTRATION

ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ

1. STUDENT INFORMATION / THÔNG TIN HỌC SINH

Student's full name

Họ và tên học sinh

Grade

Lớp

Guardian's full name

Họ và tên Phụ huynh

Guardian's email

Email của Phụ huynh

Phone

Số điện thoại

2. STUDENT DROP OFF AND PICK UP / ĐƯA ĐÓN HỌC SINH

Please tick the appropriate service boxes that you register / Vui lòng đánh dấu trước ô dịch vụ muốn đăng ký

☐ SCHOOL BUS REGISTRATION / ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ XE ĐƯA ĐÓN

☐ One way / 1 chiều

☐ Round way / 2 chiều

☐ 1 year / 1 year

☐ Semester 1 / Học kỳ 1

☐ Semester 2 / Học kỳ 2

☐ 1 month / 1 tháng

☐ Others / Khác

Pick up address / Điểm đón

Drop off address / Điểm trả

Commencement date / Ngày bắt đầu dịch vụ

Guardian's signature / Chữ ký của phụ huynh

I agree to comply with the school bus regulation /

Tôi xin cam kết chấp hành mọi nội quy về việc sử dụng dịch vụ xe đưa đón

Date / Ngày



☐ **PICK UP BY PARENTS / PHỤ HUYNH ĐẾN ĐÓN**

☐ **Guardian / Phụ huynh 1**
☐ **Guardian / Phụ huynh 3**

☐ **Guardian / Phụ huynh 2**
☐ **Guardian / Phụ huynh 4**

Other / Người khác

Full name / Họ tên
ID No. / CMND
Contact number / Số điện thoại
Relationship / Quan hệ

Guardian's signature / Chữ ký của phụ huynh

Date / Ngày

☐ **GO HOME WITHOUT ACCOMPANYING ADULT / HỌC SINH TỰ RA VỀ**

☐ **YES, I will take full responsibility of my child's safety**
ĐỒNG Ý, tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự an toàn của con.

☐ **NO**
KHÔNG ĐỒNG Ý

Guardian's signature / Chữ ký của phụ huynh

Date / Ngày

3. MEALS / ĂN UỐNG

Please tick the appropriate service boxes that you register / Vui lòng đánh dấu trước ô dịch vụ muốn đăng ký

☐ **MEALS REGISTRATION / ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ ĂN UỐNG**

☐ **Breakfast / Ăn sáng**
☐ **Lunch / Ăn trưa**
☐ **Snack / Ăn xế**
☐ **Dinner (for boarding) / Ăn tối**
(dành cho học sinh đăng ký ở nội trú)

☐ **1 year / 1 năm**
☐ **Semester 1 / Học kỳ 1**
☐ **Semester 2 / Học kỳ 2**
☐ **1 month / 1 tháng**
☐ **Others / Khác**

Commencement date / Ngày bắt đầu dịch vụ

Guardian's signature / Chữ ký của phụ huynh

I agree to comply with the school canteen regulation.
Tôi xin cam kết chấp hành mọi nội quy về việc sử dụng dịch vụ
canteen

Date / Ngày



☐ HOME COOKED MEALS / HỌC SINH ĐEM THỨC ĂN Ở NHÀ

☐ Breakfast / Bữa sáng

☐ Lunch / Bữa trưa

☐ Snack / Bữa xế

☐ Dinner / Bữa tối

Guardian's signature / Chữ ký của phụ huynh

I will take full responsibility of my child's health.

Tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về sức khỏe của con.

Date / Ngày

4. BOARDING / NỘI TRÚ

Please tick the appropriate service boxes that you register / Vui lòng đánh dấu trước ô dịch vụ muốn đăng ký

☐ BOARDING REGISTRATION / ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ NỘI TRÚ

☐ 1 year / 1 năm

☐ Semester 1 / Học kỳ 1

☐ Semester 2 / Học kỳ 2

☐ 1 month / 1 tháng

☐ Others / Khác

Commencement date / Ngày bắt đầu dịch vụ

Parents' opinion / Ý kiến, đề nghị của phụ huynh

Due to the fact that our home is too far from school, we cannot pick up our child every day after school. Therefore, we would like to submit this application for our child to attend the school's dorm. I agree to comply with the school dorm regulation.

Vì lý do gia đình chúng tôi ở xa không thể trực tiếp đưa đón cháu đi học được. Vì vậy, chúng tôi làm đơn này kính mong Ban Giám hiệu trường Quốc tế Bắc Mỹ cho phép chúng tôi được gửi con ở nội trú tại trường. Tôi xin cam kết chấp hành mọi nội quy của khu nội trú trường.

Guardian's signature / Chữ ký của phụ huynh

Date / Ngày



SCHOOL BUS SERVICE REGISTER FORM

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ XE ĐƯA ĐÓN

To: The Board of International Schools of North America

Kính gửi: Ban Giám hiệu trường Quốc tế Bắc Mỹ

My name is

Tôi tên là

Phone

Điện thoại

Email

Địa chỉ Email

Parent, guardian of student

Phụ huynh của học sinh

Grade

Lớp

Academic year 20 - 20

Năm học

at International Schools of North America

tại trường Quốc tế Bắc Mỹ

☐ REGISTRATION / ĐĂNG KÝ

☐ One way / 1 chiều

☐ Round way / 2 chiều

Pick up address / Điểm đón

Drop off address / Điểm trả

Commencement date / Ngày bắt đầu dịch vụ

☐ PAYMENT METHOD / Phương thức trả phí

☐ Annual / Nguyên năm

☐ Semester / Hai kỳ

☐ Others / Khác

I have read and agree to the school bus regulations.

Tôi đã đọc kỹ và đồng ý tuân thủ nội quy của nhà trường về việc sử dụng dịch vụ xe đưa đón.

SNA School Boards' Approval

Xác nhận của Nhà trường

Day____Month____Year____(Ngày/tháng/năm)

Parent / Guardian's signature (Please provide full name)

Phụ huynh ký tên (Vui lòng ghi rõ họ tên)



SCHOOL BUS RULES AND REGULATIONS

QUY ĐỊNH CỦA HỌC SINH KHI ĐI XE ĐƯA ĐÓN

1. SAFETY REGULATION / QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN TRÊN XE ĐƯA ĐÓN

- Students must wear their ID card all the time.

Học sinh phải đeo thẻ học sinh khi lên và xuống xe đưa đón.

- Students must follow school bus driver and student monitoring's guidance about their seat, get in or out school bus.

Học sinh lên, xuống xe và ngồi ghế theo sự hướng dẫn của tài xế và nhân viên bảo mẫu theo xe.

- Students must always wear their seat belt.

Thắt dây an toàn trong suốt quá trình ngồi trên xe.

- Students are not allowed to throw objects out of the vehicle, or the area around.

Học sinh không được ném đồ vật từ trong xe ra ngoài, hoặc khu vực xung quanh xe đưa đón.

- Students must follow school bus driver and student monitoring. If students fail to follow the regulation or have inappropriate behaviors, the school has the right to stop providing school bus service without refunding.

Học sinh tuân thủ sự hướng dẫn của tài xế và nhân viên bảo mẫu theo xe. Trường hợp học sinh không tuân thủ các quy định an toàn hoặc có thái độ không tốt. Nhà trường sẽ nhắc nhở và có quyền chấm dứt dịch vụ đưa đón mà không hoàn phí.

2. BUS RULES FOR CLEANLINESS & PROPERTY / QUY ĐỊNH VỀ BẢO QUẢN TÀI SẢN VÀ VỆ SINH TRÊN XE

- Students should keep the bus clean, sanitary, and orderly.

Học sinh phải giữ gìn vệ sinh sạch sẽ trên xe.

- No eating, drinking or use of tobacco or drugs or possession of tobacco or drugs on the bus.

Học sinh không được ăn uống trên xe, không được hút thuốc và tàng trữ ma túy trên xe đưa đón.

- Each student must take full responsibility of their personal belongings. Special permission must be granted by school authorities to transport any large items.

Học sinh có trách nhiệm bảo quản đồ cá nhân của mình, xe đưa đón nhà trường không vận chuyển đồ vật có kích thước lớn và các loại hàng hóa khác

- Students must not damage or abuse bus seats or equipment.

Giữ gìn tài sản chung trên xe và không được làm hư hại các trang thiết bị trên xe, nếu hư hỏng phải chịu trách nhiệm bồi thường.



3. BUS RULES FOR ARRIVAL & LEAVING TIME / QUY ĐỊNH THỜI GIAN ĐƯA ĐÓN HỌC SINH

• **Morning pickup time:** will be announced to the parent dependent on space and location
Thời gian đón buổi sáng sẽ được thông báo cụ thể đến phụ huynh tùy thuộc vào địa chỉ mà phụ huynh cung cấp.

• **This means that buses will pick-up at the curb in front of the student's home.**
Xe đưa đón sẽ đến và đậu trước cửa nhà học sinh, hoặc ở các địa điểm thỏa thuận.

• **In the morning, be in front of your house between five and seven minutes before the scheduled pickup time. (Buses will not wait for students who are not present).**
Quy định xe đến tận nhà đón học sinh sẽ đợi từ 5-7 phút; xe sẽ rời đi nếu học sinh ra trễ hơn so với quy định và PHHS sẽ phải tự túc đưa học sinh đến trường. (Trường hợp sẽ được nhắc nhở và thông báo đến PHHS được biết, trường hợp không thực hiện đúng giờ nhiều lần sẽ cho tạm ngưng sử dụng xe đưa đón và thông báo đến PHHS được biết).

BUS LEAVING AFTER SCHOOL / GIỜ ĐƯA HỌC SINH VỀ BUỔI CHIỀU

• **4:30 p.m:** Be at your designated bus stop (at Street No.13 Gate) 5 minutes prior to the arrival of the bus.
Đúng 4:30pm tập trung tại điểm tập kết xe bus (cổng đường số 3), sau 5 phút xe bus sẽ khởi hành

• **Never run to or from the bus.**
Không được chạy phía trước đầu xe hoặc vòng quanh xe

• **The school bus driver will not wait any later than 4:40 pm. If students miss the bus, the parent/guardian will need to pick them up from school.**
Quy định xe đến tận nhà đón học sinh sẽ đợi từ 5-7 phút; xe sẽ rời đi nếu học sinh ra trễ hơn so với quy định và PHHS sẽ phải tự túc đưa học sinh đến trường. (Trường hợp sẽ được nhắc nhở và thông báo đến PHHS được biết, trường hợp không thực hiện đúng giờ nhiều lần sẽ cho tạm ngưng sử dụng xe đưa đón và thông báo đến PHHS được biết).

• **In emergency situations (weather, traffic, driver absenteeism, maintenance difficulties and unforeseen incidents, etc.) are responsible for delays in the arrival of school buses. A change in pick-up or drop-off time will be made and notified to parents or guardians will be notified by the student monitors.**
Thời gian đưa đón học sinh có thể thay đổi tùy theo tình hình giao thông thực tế như kẹt xe, cấm lưu thông do sửa chữa cầu đường v.v... Trường hợp đưa đón học sinh trễ với những lý do nêu trên, cô bảo mẫu trên xe sẽ thông báo đến PHHS để PHHS an tâm.

• **Absences:**
If parents plan for students to take days off, please inform the school bus ahead 1-3 days. If students take a day off unexpectedly, please inform bus driver or student monitoring 1 hour ahead.
*Quy định vắng không đi xe đưa đón:
Trường hợp học sinh nghỉ học có trong kế hoạch PHHS vui lòng thông báo về bộ phận xe đưa đón trước 1 ngày đến 3 ngày.
Trường hợp học sinh nghỉ học đột xuất PHHS vui lòng gọi điện trực tiếp cho tài xế hoặc cô bảo mẫu theo xe ít nhất trước 1 tiếng.*

4. DROP OFF POLICY / QUY ĐỊNH TRẢ HỌC SINH

DROP OFF AT HOME / TRẢ TẠI NHÀ

• **This means that buses will drop-off at the curb in front of the student's home or front office of your apartment.**
Xe đưa đón sẽ trả học sinh trước nhà hoặc phía trước văn phòng chung cư.

• **If your new address happens to be in an area where we don't provide service or out of the current bus route, it will be your responsibility to bring your student (s) to the closest bus stop.**
Nếu địa chỉ mới của phụ huynh không nằm trong khu vực trả trực tiếp, chúng tôi sẽ có trách nhiệm dẫn học sinh đến điểm dừng xe đưa đón gần nhất, địa điểm mà nhà trường đã thỏa thuận với phụ huynh trước đó.

• **Students will not be released from the bus without the presence of a parent, guardian, sibling, or appropriate adult caretaker at the bus stop. That case, students will be taken back to school and the parent/guardian will need to pick them up from school.**
Trong trường hợp học sinh đã được đưa đến địa điểm được thỏa thuận nếu không có sự hiện diện của bố, mẹ, người thân trong gia đình, người giám hộ,... thì học sinh sẽ không được rời xe khỏi xe đưa đón, học sinh đó sẽ được đưa trở lại trường và phụ huynh sẽ được mời lên trường đón về.



(Please write down the below sentence / Xin viết bằng tay)

I UNDERSTAND THE ABOVE SCHOOL BUS POLICIES AND AGREE TO ABIDE BY THEM AT ALL TIMES.

(Tôi đã hiểu tất cả những quy định của xe đưa đón và đồng ý chấp hành mọi quy định tổng suốt thời gian sử dụng dịch vụ)

Day____Month____Year____(Ngày/tháng/năm)

Student / Học sinh nội trú

(Signature / Ký và ghi rõ họ tên)

Parent / PHHS

(Signature / Ký và ghi rõ họ tên)

School board / Ban Giám Hiệu



DORMITORY APPLICATION

ĐƠN XIN Ở NỘI TRÚ

To / Kính gửi:

The School Management Board of SNA / Ban Giám hiệu trường Quốc tế Bắc Mỹ

SNA Dorm Management / Ban quản lý nội trú trường Quốc tế Bắc Mỹ

My name is

Tôi tên là

Permanent address

Địa chỉ thường trú

ID No

Chứng minh nhân dân số

Issued date

Ngày cấp

Place of issue

Nơi cấp

Student is in grade

Đang học lớp

Academic year

Năm học

at International Schools of North America

tại trường Quốc tế Bắc Mỹ

Due to the fact that our home is too far from school, we cannot pick up our child every day after school.

Therefore, we would like to submit this application for our child to attend the school's dorm from

Vì lý do gia đình chúng tôi ở xa không thể trực tiếp đưa đón con đi học được. Vì vậy, chúng tôi làm đơn này kính mong Ban Giám hiệu trường Quốc tế Bắc Mỹ cho phép chúng tôi được gửi con ở nội trú tại trường từ ngày _____

I agree to comply with SNA Dorm's regulation.

Tôi xin cam kết chấp hành mọi quy định nội trú của nhà trường đưa ra.

Sincerely,

Trân trọng cảm ơn

SNA School Boards' Approval

Xác nhận của Nhà trường

Day ____ Month ____ Year ____ (Ngày/tháng/năm)

Parent / Guardian's signature (Please provide full name)

Phụ huynh ký tên (Vui lòng ghi rõ họ tên)

